

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 158/2021/HSST

Ngày: 10-12-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoàng

Bà Nguyễn Thị Bắc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2021/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2021/QĐXXST-HS ngày 10-11-2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN H (tên gọi khác: H đen), sinh ngày 05/02/1982 tại HD; nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953. Hiện mẹ bị cáo đang trú tại thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh G; bị cáo có 04 anh, em ruột; bị cáo có vợ: Bùi Thị Kim L, sinh năm 1980 (đã ly hôn), bị cáo có 02 người con sinh năm 2005 và năm 2010; hiện vợ và các con trú tại: Xã T, huyện P, tỉnh G.

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Nhân thân bị cáo:

Ngày 09-4-2007, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xử phạt 15 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999), tại Bản án số: 16/2007/HS-ST; chấp hành tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Ngày 23/3/2008, chấp hành xong hình phạt tù (bị cáo H đã được xóa án tích).

Bị cáo NGUYỄN VĂN H bị tạm giữ từ ngày 07/8/2021 đến ngày 16/8/2021, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

Anh Hồ Khắc T, sinh năm 1989; địa chỉ: Làng O, xã I, thành phố P, tỉnh G.

Vắng mặt.

Ông Hồ Duy H2, sinh năm 1972; địa chỉ: Làng O, xã I, thành phố P, tỉnh G.
Vắng mặt.

Anh Hoàng Trọng K, sinh năm 1994; địa chỉ: Làng M, xã K, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh G.
Có mặt.

- Người làm chứng:

Anh Ngô Sỹ N, sinh năm 1999; địa chỉ: Làng O, xã K, thành phố P, tỉnh G.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

NGUYỄN VĂN H là người đã từng bị kết án về tội: “*Trộm cắp tài sản*” và đã được xóa án tích. Vào các ngày 18/7/2021 và 07/8/2021, H đã thực hiện 02 vụ lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn xã Ia Kênh, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ ngày 18-7-2021, NGUYỄN VĂN H một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-xám, biển số 81B2-686.93 đi dạo trên địa bàn xã K, TP.P để tìm cơ hội lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Khi đi đến trước nhà anh Hoàng Trọng K (sinh năm 1994, ở làng M, xã K), H thấy nhà đang xây dựng, chưa có cửa, cổng, trong nhà có điện chiếu sáng. H dựng xe mô tô 81B2-686.93 ngoài đường, rồi đi vào trong nhà thì thấy anh K đang nằm ngủ trên võng; trên bàn gỗ trong phòng có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu sữa (bị vỡ màn hình), trên đầu giường ngủ có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus (bị vỡ kính cường lực). H lén lút lấy 02 chiếc điện thoại di động nêu trên, rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Các điện thoại di động chiếm đoạt được của anh K, sau đó H đã bán cho một người đàn ông (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) được 1.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài hết. Quá trình điều tra, do H không xác định được người đàn ông đã mua điện thoại, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu hồi được vật chứng. Qua định giá, xác định các điện thoại di động hiệu OPPO F1S và Iphone 6 Plus của anh K bị H chiếm đoạt vào ngày 18/7/2021, có tổng trị giá 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 07-8/-2021, NGUYỄN VĂN H điều khiển xe mô tô 81B2-68.693 đi từ nhà ở huyện C, tỉnh G đến công trình thi công trạm điện 500KW Đăk Đoa, ở làng O, xã K, TP.P để tìm cơ hội lén lút chiếm

đoạt tài sản. Khi đến nơi, H giấu xe mô tô vào rừng thông ở gần đó, rồi đi bộ vào khu vực nhà điều hành trạm biển áp đang xây dựng. Thấy có nhiều công nhân đang ngủ trên sàn nhà, một số người có để điện thoại di động bên cạnh, nên H lén lút đi vào lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh-đen của ông Hồ Duy H1 (sinh năm 1972, trú xã P, huyện S, tỉnh T) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A53 màu xanh-đen của ông Hồ Khắc T (sinh năm 1989, trú xã N, huyện Q, tỉnh A). Khi H vừa lấy được các điện thoại trên và đang đi ra khỏi phòng, thì bị ông H1 và ông T thức dậy phát hiện, truy hô. H bỏ chạy thì, bị ông H1, ông Th và một số công nhân khác bắt giữ, trình báo Công an xã K, TP.P. Ngay sau đó, Công an xã K đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H, thu giữ vật chứng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh-đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A53 màu xanh-đen. Sau khi bị bắt quả tang, H chỉ địa điểm giấu xe mô tô 81B2-68.693 và Công an xã K cũng đã tiến hành thu giữ.

Bị cáo NGUYỄN VĂN H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Qua trưng cầu, tại Kết luận số: 130/KL-HĐĐGTS ngày 12-8-2021 và Kết luận số: 134/KL-HĐĐGTS ngày 17-8-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố Pleiku kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F1S có trị giá 500.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6 Plus có giá 750.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A53 màu xanh đen có giá 2.750.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 9 màu đen có giá 6.000.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 162/CT-VKS ngày 27-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo NGUYỄN VĂN H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo NGUYỄN VĂN H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo NGUYỄN VĂN H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo NGUYỄN VĂN H với mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. (nhưng trừ đi những ngày bị tạm giữ trước đây từ ngày 07/8/2021 đến ngày 16/8/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo NGUYỄN VĂN H phạm tội như sau:

Với thủ đoạn lợi dụng đêm tối, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người khác khi đang ngủ say, trong các ngày 18-7-2021 và ngày 07-8-2021, NGUYỄN VĂN H đã thực hiện 02 vụ lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn xã K, TP.P, chiếm đoạt 04 điện thoại di động các loại, có tổng trị giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ngày 07-8-2021, khi H đang thực hiện hành vi phạm tội, thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng; xe mô tô H dùng làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội, cũng bị thu giữ.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật”.

Quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo NGUYỄN VĂN H là người đã trưởng thành, có nhận thức, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài bất chính, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 10.000.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Bồi thường thiệt hại”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo đang nuôi dưỡng mẹ già. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về dân sự: Quá trình điều tra vụ án, NGUYỄN VĂN H đã tác động gia đình bồi thường cho anh Hoàng Trọng K số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), anh Kiều không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự. Sau khi được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, các ông Hồ Khắc T và Hồ Duy H1 không yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H3 không có yêu cầu gì về số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo H nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, dung tích 113 màu đen - xám, biển số 81B2-68.693. Qua điều tra xác định đây là tài sản của bị cáo NGUYỄN VĂN H. Xét đây là phương tiện NGUYỄN VĂN H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu để sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo NGUYỄN VĂN H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo NGUYỄN VĂN H.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo NGUYỄN VĂN H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo NGUYỄN VĂN H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án (nhưng được trừ đi những ngày tạm giữ trước đây 07-8-2021 đến ngày 16-8-2021).

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử:

Tịch thu sung Ngân quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, dung tích 113 màu đen -xám, biển số 81B2-68.693, số máy E3T6E408167, số khung 1710KY276165.

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03-11-2021 giữa Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo: NGUYỄN VĂN H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng những bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Pleiku;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Nhân

